

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 37/2022/TLST-VHN&GD ngày 07 tháng 12 năm 2022, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*” giữa:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

**1. Anh Trần Nam S , sinh năm 1989;**

ĐKHKTT: TDP 6, phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**2. Chị Nguyễn Thị L , sinh năm 1991;**

ĐKHKTT: TDP 6, phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Nam S và chị Nguyễn Thị L kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn, huyện Phổ Yên (nay là phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 203 ngày 30/11/2010.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu là do cả hai không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn cả về kinh tế và tình cảm. Anh, chị ly thân đến nay đã được 04 năm, không ai quan tâm đến ai, đều xác định không thể đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung. Do vậy, anh S , chị L cùng thống nhất có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thỏa thuận thuận tình ly hôn; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 12 năm 2022 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Trần Nam S và chị Nguyễn Thị L xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Trần Quang Anh, sinh ngày

27/4/2012. Anh S , chị L thoả thuận người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung, cháu Trần Quang A , sinh ngày 27/4/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận việc anh Trần Nam S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trần Quang A cùng chị L mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

*Thời điểm thực hiện cấp dưỡng:* Kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc khi chị L có yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

*Về lãi suất chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh S , chị L thống nhất thoả thuận tính lãi suất khoản tiền cấp dưỡng trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật nếu anh S không thi hành.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Nam S và chị Nguyễn Thị L xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về khoản nợ chung, cho vay chung: Anh Trần Nam Sơn và chị Nguyễn Thị Liễu xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về vấn đề khác: Không có.

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Nam S và chị Nguyễn Thị L thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thoả thuận về ly hôn mà không có đương sự nào ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Nam S và chị Nguyễn Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có cơ hội đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung, đều nhất trí thoả thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Trần Nam S và chị Nguyễn Thị L xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Trần Quang A , sinh ngày 27/4/2012. Anh S , chị L thoả thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung: Cháu Trần Quang A , sinh ngày 27/4/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận việc anh Trần Nam S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

*Thời điểm thực hiện cấp dưỡng:* Kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc khi chị L có yêu cầu thay

đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

*Về lãi suất chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Sơn, chị Liễu thống nhất thoả thuận tính lãi suất khoản tiền cấp dưỡng trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật nếu anh Sơn không thi hành.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với xác khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Anh Trần Nam S và chị Nguyễn Thị L xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Về khoản nợ chung, cho vay chung:* Anh Trần Nam S và chị Nguyễn Thị L xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Về vấn đề khác:* Không có.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Anh Trần Nam S và chị Nguyễn Thị L thoả thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Anh S, chị L được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001290 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.*

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND phường Ba Hàng (ĐKKH số 203 ngày 30/11/2010);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hà**